

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2021

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Ba – Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Minh L – Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn K, xã Q 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Dương T – Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn K, xã Q 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Trương Thị Minh L tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương T tự nguyện tìm hiểu khoảng 06 tháng rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên vào ngày 07/12/2009. Sống chung với nhau

thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó khi anh T đi làm ăn xa về thì cả hai xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên đánh đập, chửi bới chị. Chị và anh T không sống chung từ tháng 01/2020 đến nay. Nay chị cảm thấy không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Dương Thị U – SN: 19/7/2010 và Dương Đại A – SN: 07/10/2014. Nguyên vọng của chị L là trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung U và A. Trong quá trình hòa giải, chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện nay anh T đã bỏ địa phương đi và không có mặt tại Tòa nên chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên anh T không có mặt tại địa phương nên chị L rút yêu cầu trước khi mở phiên tòa, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại các bản tự khai và lời trình bày của bị đơn anh Dương T có trong hồ sơ vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trương Thị Minh L tự nguyện tìm hiểu khoảng 06 tháng rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên vào ngày 07/12/2009. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay chị L nộp đơn xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung là Dương Thị U – SN: 19/7/2010 và Dương Đại A – SN: 07/10/2014. Nguyên vọng của anh là giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

* Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Minh L.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao hai cháu Dương Thị U – SN: 19/7/2010 và Dương Đại A – SN: 07/10/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Mức cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị L phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị Minh L yêu cầu ly hôn với anh Dương T, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Minh L và anh Dương T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên vào ngày 07/12/2009 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó cả hai xảy ra mâu thuẫn, đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng, chị L và anh T không sống chung từ đó đến nay. Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án đã xác minh tại địa phương nơi chị L, anh T sinh sống (Ông Trần Tuấn Minh Vương – Trưởng Công an xã Q 1) cung cấp thì anh T thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà, tuy nhiên hiện nay không có mặt ở địa phương, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L như thế nào thì địa phương không biết. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh T có nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất chị L được ly hôn với anh T.

[3]. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung: Dương Thị U – SN: 19/7/2010 và Dương Đại A – SN: 07/10/2014. Hội đồng xét xử xét thấy

chị L có đủ điều kiện để chăm sóc cho hai con. Hiện nay anh T đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, không đảm bảo điều kiện chăm sóc các con. Ngoài ra, nguyện vọng của hai cháu U và A khi cha mẹ ly hôn là được ở với mẹ nên giao hai cháu U và A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Hiện tại anh T không có mặt tại địa phương nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Minh L.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Minh L được ly hôn với anh Dương T.

[2] Về con chung: Giao hai con chung là Dương Thị U – SN: 19/7/2010 và Dương Đại A – SN: 07/10/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, anh T có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trương Thị Minh L phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2015/0011322 ngày 27/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Minh L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Dương T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐX;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện ĐX;
- TAND tỉnh PY;
- UBND xã Q 1;
- U HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Long

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Hiến Nguyễn Thị Kiều Linh

Nguyễn Văn Long